TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/DS-ST
Ngày 09 - 7 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên toà: Ông Dương Tấn Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL; địa chỉ trụ sở: Số 40 – 42 – 44 PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Tuấn A (chức vụ: Tổng giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP KL.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Tuấn A: Ông Huỳnh Hữu V (chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện ĐD – Ngân hàng TMCP KL) là người đại diện theo ủy quyền của bà Tuấn A (văn bản ủy quyền số 147/UQ-NHKL ngày 31/01/2019).

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Hữu V: Ông Nguyễn Vũ M (chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch huyện ĐD – Ngân hàng TMCP KL) là người đại diện theo ủy quyền của ông V (văn bản ủy quyền số 152/UQ-NHKL ngày 04/3/2019) (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Trung T, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp TĐ A, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp TĐ A, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL trình bày: Ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL (gọi tắt: Ngân hàng KL) số tiền 400.000.000đ, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 338/17/HĐTD/2001-3682 ngày 17/8/2017: Số tiền vay 400.000.000đ; mục đích vay bổ sung vốn nuôi trồng thủy sản và buôn bán nhỏ; ngày giải ngân 09/01/2019; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất trong hạn 10,98%/năm. Lãi suất cho vay thay đổi 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ, tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng 3,78%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn; hình thức thanh toán lãi vay trả 03 tháng/lần và vốn vay được trả vào cuối kỳ.

- Tài sản thế chấp dùng để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết tại hợp đồng thế chấp số 177/16/HĐTC-BĐS/2001-3682 ngày 16/8/2016, cụ thể: Quyền sử dụng đất tọa lạc ấp TĐ A, xã TAK, huyện ĐD thửa đất số 252, 256, tờ bản đồ số 08, Giấy chứng nhận số BM 998563, diện tích 30.857m^2 do UBND huyện Đầm Dơi cấp ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ ngày 15/4/2013.

Kể từ khi vay cho đến nay ông T, bà Đ không trả vốn, lãi. Nay Ngân hàng KL yêu cầu ông T, bà Đ trả 473.675.690đ (vốn: 400.000.000đ; lãi trong hạn 43.920.001đ; tiền phạt chậm trả lãi: 3.403.689đ; lãi quá hạn: 26.352.000đ tính đến ngày khởi kiện) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt nợ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông T, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng KL có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T, bà Đ không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL yêu cầu ông T và bà Đ trả vốn 400.000.000đ, lãi 108.330.374đ, tổng cộng 508.330.374đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL, buộc ông T và bà Đ trả cho ngân hàng KL số tiền vốn 400.000.000đ, lãi 108.330.374đ, tổng cộng 508.330.374đ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và cho phép Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo khoản tiền vay để thu hồi nợ, nếu trường hợp ông T, bà Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Chi phí xem xét tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL khởi kiện yêu cầu ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà Đ, nhưng tại phiên tòa ông T, bà Đ vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Xét thấy: Nội dung khởi kiện của Ngân hàng KL thì ông T, bà Đ đã biết, nhưng ông, bà không có ý kiến và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà Đ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KL, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng ông T và bà Đ có ký kết hợp đồng tín dụng số 338/17/HĐTD/2001-3682 ngày 17/8/2017 với Ngân hàng KL để vay số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn nuôi trồng thủy sản và buôn bán nhỏ. Đồng thời ông T, bà Đ có ký kết tiếp hợp đồng thế chấp số 177/16/HĐTC-BĐS/2001-3682 ngày 16/8/2016 đối với quyền sử dụng đất tọa lạc ấp TĐ A, xã TAK, huyện ĐD thửa đất số 252, 256, tờ bản đồ số 08, Giấy chứng nhận số BM 998563, diện tích 30.857m^2 do UBND huyện Đầm Dơi cấp ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ ngày 15/4/2013 để đảm bảo cho khoản vay với Ngân hàng KL là thực tế có xãy ra.

[4] Xét hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng KL với vợ chồng ông T, bà Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng KL và vợ chồng ông T, bà Đ về mức lãi suất nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 09/7/2019 ông T, bà Đ còn nợ Ngân hàng KL số tiền vốn 400.000.000đ, lãi 108.330.374đ, tổng cộng 508. 330.374đ. Như vậy, việc ông T, bà Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã làm thiệt hại đến quyền lợi của Ngân hang KL, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, cho nên ông T, bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng KL tổng số tiền 508.330.374đ là phù hợp.

[5] Đối với ông T và bà Đ: Mặc dù ông bà đã biết được nội dung khởi kiện của Ngân hàng KL, nhưng không phản đối bằng văn bản và không thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KL thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng KL về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng KL về việc thanh lý tài sản đảm bảo trong trường hợp ông T, bà Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định "Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật". Do đó, yêu cầu của Ngân hàng KL là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KL được chấp nhận, nên ông T, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: 20.000.000đ + (108.330.374đ x 4%) = 24.333.000đ.

[10] Xét về chi phí xem xét tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KL được chấp nhận, nên ông T, bà Đ phải chịu chi phí xem xét tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 5; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 157 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

1. Buộc ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền là 508.330.374 đồng (năm trăm lẽ tám triệu ba trăm ba mươi ngàn ba trăm bảy mươi bốn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 338/17/HĐTD/2001-3682 ngày 17/8/2017, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng đất tọa lạc ấp TĐ A, xã TAK, huyện ĐD thửa đất số 252, 256, tờ bản đồ số 08, Giấy chứng nhận số BM 998563, diện tích 30.857m^2 do UBND huyện Đầm Dơi cấp cho ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ ngày 15/4/2013 để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL 11.474.000 đồng (mười một triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009193 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 24.333.000 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

5. Về chi phí xem xét tại chỗ: Ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu chi phí là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Buộc ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ nộp số tiền 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

6. Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét tại chỗ, nếu ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T, bà Đ còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký*)

Trương Minh Thịnh